

Số: 288/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 23 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-KĐCLV ngày 03/11/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh phiên thứ 23 ngày 22 - 23/11/2025;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XXIII ngày 22/11/2025 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 05 đến ngày 10 tháng 9 năm 2025 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ mức 4,0 điểm trở lên

là 45 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 90%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

3. Kiến nghị Trường Đại học Quy Nhơn tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Toán ứng dụng của Trường Đại học Quy Nhơn được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.





Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Mức đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1	4.00	4.00	3	100	Tiêu chuẩn 7	4.00	4.00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2	4.00	4.00	3	100	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8	4.20	4.20	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3	3.67	3.67	2	67	Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4	3.67	3.67	2	67	Tiêu chuẩn 9	4.40	4.40	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	3				Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chuẩn 5	3.80	3.80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	5			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10	3.83	3.83	5	83
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chuẩn 6	4.14	4.14	7	100	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11	3.80	3.80	4	80
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	3			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
3.98					45		90		

22



Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 288/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Toán ứng dụng (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Quy Nhơn, giai đoạn 2020-2025, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn trong chiến lược phát triển trường đến năm 2030; phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng và phù hợp với vị trí việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần được rà soát, cập nhật theo quy định. Chương trình dạy học được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Kế hoạch dạy học toàn khóa được thiết kế cơ bản phù hợp, logic đảm bảo sinh viên được trang bị từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành. Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp dạy học để rèn luyện kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp, phát huy tính chủ động, tích cực của sinh viên. Các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá và trọng số các thành phần đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương học phần. Công tác nghiên cứu khoa học của giảng viên được duy trì thường xuyên và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Môi trường tâm lý xã hội, môi trường cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học. Đã có kế hoạch và định hướng cho sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển của ngành và với khả năng của người học.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm khuyến nghị đề xuất sau đây:

(1). Nhà trường và Khoa cần rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT để phù hợp định hướng nghiên cứu/ứng dụng/nghề nghiệp; đảm bảo sự tương thích nội hàm của mục tiêu với chuẩn đầu ra, nội hàm của mục tiêu chung với mục tiêu cụ thể, nội hàm của PLO với PI. Sử dụng các động từ và thang đo phù hợp khi mô tả chuẩn đầu ra, đặc biệt là chuẩn đầu ra về kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

(2). Đối với Bản mô tả CTĐT: Khoa cần rà soát, chỉnh sửa mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT; rà soát, chỉnh sửa ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra cho các học phần đảm bảo sự logic trong phát triển năng lực của sinh viên theo tiến trình đào tạo.

Đối với đề cương học phần: Khoa cần rà soát, chỉnh sửa mô tả học phần, mục



tiêu và chuẩn đầu ra của học phần, nội hàm chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, sự tương thích giữa phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra; kế hoạch đánh giá; thể hiện rõ hơn nội dung, thời lượng tự học và cập nhật học liệu trong đề cương học phần.

(3). Khoa và ngành Toán ứng dụng cần rà soát, điều chỉnh để giảm thiểu sự trùng lặp nội dung của các học phần, tăng số tín chỉ cho mỗi học phần và đảm bảo tính tích hợp nội dung trong chương trình dạy học. Xác định tổ hợp phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá tương thích chuẩn đầu ra, bổ sung nội dung tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Thực hiện việc khảo sát các bên liên quan về nội dung học phần để đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu xã hội.

(4). Khoa cần thường xuyên tổ chức hội thảo, tập huấn cho giảng viên về phát triển chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học chủ động, chú trọng hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Tăng cường hợp tác với các cơ quan và doanh nghiệp để đẩy mạnh hoạt động thực hành, thực tế trải nghiệm nghề nghiệp của sinh viên.

(5). Nhà trường và Khoa cần xây dựng quy định/hướng dẫn thiết kế ma trận và ngân hàng đề thi, lựa chọn các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp để đo lường chuẩn đầu ra. Rà soát và cải tiến các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị và đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra. Rà soát và cải tiến quy trình quản lý chấm thi học phần. Thực hiện hiệu quả quy trình/kết quả rà soát hình thức thi, phân tích, đánh giá kết quả học tập của sinh viên để cải tiến chất lượng.

(6). Nhà trường cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản chiến lược, kế hoạch và cơ chế quản trị nhân sự một cách đồng bộ, bảo đảm tính bài bản và phù hợp với định hướng phát triển dài hạn. Đồng thời, cần thiết lập quy trình đánh giá định kì, khách quan đối với hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học, từ đó có cơ sở điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của ngành đào tạo.

(7). Nhà trường cần nâng cao chính sách thu hút, đãi ngộ để tuyển dụng, giữ chân cán bộ, viên chức có năng lực. Rà soát Khung năng lực tại vị trí việc làm, bổ sung các tiêu chí định lượng để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Tăng cường khảo sát nhu cầu về đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm; chú trọng công tác tổng kết, đánh giá tính hiệu quả sau các kì đào tạo, bồi dưỡng. Định kì khảo sát mức độ hài lòng về công tác thi đua khen thưởng, kịp thời điều chỉnh cơ chế chính sách. Áp dụng các phần mềm chuyên dụng để quản trị kết quả theo công việc của đội ngũ nhân viên tại các vị trí việc làm.

(8). Nhà trường và Khoa cần thiết lập cơ chế dự báo nhu cầu nhân lực định kì để điều chỉnh chính sách tuyển sinh sát với thực tiễn. Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý đào tạo theo hướng thông minh, tích hợp chức năng cảnh báo sớm và cá nhân hóa kế hoạch học tập cho sinh viên. Mở rộng mạng lưới đối tác thực tập và việc làm

21

ỤC VÀ Đ
ING T
M ĐỊNH
T LƯC
ÁO DI
G ĐẠI P

sang nhiều lĩnh vực khác nhau, kí kết hợp tác chiến lược để nâng cao cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên. Hoàn thiện công tác khảo sát phản hồi bằng các công cụ trực tuyến hiện đại, phân tích dữ liệu chuyên sâu, đồng thời chuẩn hóa các chương trình rèn luyện kĩ năng mềm, kĩ năng nghề nghiệp và hỗ trợ tâm lý học đường.

(9). Nhà trường cần xây dựng kế hoạch bố trí phòng làm việc cho lãnh đạo Khoa, phòng làm việc cho giảng viên đảm bảo theo quy định. Cần mở rộng số lượng và đối tượng khảo sát về mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học để thu được số liệu có độ tin cậy. Cần nâng cao năng lực hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng việc chuyển đổi số trong quản lí đào tạo và xây dựng học liệu số. Tăng cường xây dựng nguồn tài liệu, giáo trình nội sinh phục vụ công tác đào tạo.

(10). Nhà trường cần ban hành văn bản quy định/hướng dẫn đánh giá chuẩn đầu ra của CTĐT và cách thức lựa chọn phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá tương thích chuẩn đầu ra học phần. Khoa cần xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát, đánh giá sự tương thích, phù hợp của phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng đào tạo; tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá hiện đại, kết hợp dạy học tại lớp và e-Learning. Cần tăng cường công tác nghiên cứu khoa học và việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào các bài giảng của chương trình đào tạo.

(11). Nhà trường cần nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; có các giải pháp hiệu quả giảm tỉ lệ thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn; kết nối với cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động nắm bắt tình trạng, vị trí việc làm và khả năng tự lập nghiệp để có những điều chỉnh cần thiết về CTĐT đáp ứng thị trường lao động. Mở rộng các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo, khởi nghiệp của sinh viên; nâng cấp Bộ Tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp sát hợp với chuẩn đầu ra CTĐT để có những đánh giá khoa học, khách quan về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và từ đó có những đáp ứng tích cực và hiệu quả hơn trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

* * *

Trên đây là những nhóm khuyến nghị tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh theo quy định.



